

Số: /QĐ-ĐHCNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Quản lý công nghiệp năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BGDĐT ngày 02/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-ĐHCNKT ngày 08/7/2026 của ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 552/KH-ĐHCNKT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng liên ngành, liên thông, hội nhập và ứng dụng AI;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-ĐHCNKT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành khung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếng Việt năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp số 70/BB-HĐKHĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Biên bản họp số 72/BB-HĐKHĐT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Quản lý công nghiệp (mã ngành 7510601)** áp dụng từ khóa tuyển sinh 2026.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ đại học là cơ sở để các đơn vị đào tạo và phòng ban liên quan lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức, sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT, KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Quách Thanh Hải

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Quản lý công nghiệp
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Industrial Management
Tên ngành đào tạo Tiếng Việt	: Quản lý công nghiệp
Tên ngành đào tạo Tiếng Anh	: Industrial Management
Mã ngành	: 7510601
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngôn ngữ đào tạo:	: Tiếng Việt

Phiên bản cập nhật năm 2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Quản lý công nghiệp, trình độ đại học

TT	Các thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Tên Tiếng Việt: Quản lý công nghiệp Tên Tiếng Anh: Industrial Management
2	Tên ngành đào tạo	Tên Tiếng Việt: Quản lý công nghiệp Tên Tiếng Anh: Industrial Management
3	Mã ngành	7510601
4	Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân
6	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM
7	Đơn vị quản lý	Khoa Kinh tế
8	Hình thức đào tạo	Chính quy
9	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
10	Khối lượng học tập	132 tín chỉ
11	Thời gian đào tạo tiêu chuẩn	4 năm
12	Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào của CTĐT)	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT
13	Tiêu chí tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM
14	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quyết định 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 và cập nhật theo các quy định hiện hành.
15	Vị trí việc làm	Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, tổ chức trong nước và quốc tế như: • Chuyên viên quản lý sản xuất, kế hoạch sản xuất, điều phối vận hành; • Chuyên viên quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng, cải tiến quy trình; • Chuyên viên quản trị chuỗi cung ứng, logistics, cung ứng vật tư; • Chuyên viên nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; • Chuyên viên kinh doanh, marketing, phát triển thị trường; • Chuyên viên phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích vận hành; • Trợ lý quản lý, quản trị viên tập sự tại các doanh nghiệp.
16	CTĐT đối sánh	QLCN của Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM và QLCN của ĐH Cần Thơ
17	Mục tiêu chung	Sinh viên tốt nghiệp có khả năng quản trị hoạt động sản xuất và kinh doanh trong nhiều lĩnh vực như: quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị nhân sự và quản trị marketing. Có kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế; kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo. Có khả năng phân tích, tổng hợp và xử lý vấn đề; có khả năng đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
18	Chuẩn đầu ra	

18.1	<i>Kiến thức</i>	PLO 1: Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp. PLO 2: Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp.
18.2	<i>Kỹ năng</i>	PLO 3: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp trên cơ sở ứng dụng dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) PLO 4: Vận dụng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu trong quản trị doanh nghiệp PLO 5: Truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, sử dụng được ngoại ngữ trong công việc. PLO 6: Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm
18.3	<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>	PLO 7: Thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hội nhập quốc tế và chủ động học tập suốt đời PLO 8: Đề xuất ý tưởng và lập kế hoạch: về khởi nghiệp và cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh. PLO 9: Tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong sản xuất và kinh doanh.
19	Cấu trúc CTĐT	Kiến thức GD đại cương (40TC) + Kiến thức GD chuyên nghiệp (92TC) + Kiến thức GDTC và GDQP + Kiến thức chuyên đề bổ trợ
20	Hướng dẫn thực hiện chương trình	- Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; và cập nhật theo các quy định hiện hành. - Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).
21	Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Năm 2026.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Quản lý công nghiệp
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Industrial Management
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản lý công nghiệp
Mã ngành	: 7510601
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
Đơn vị quản lý	: Khoa Kinh Tế

1. Thời gian đào tạo: 04 năm.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

3. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM.

4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT; và cập nhật theo các quy định hiện hành.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ, tổ chức trong nước và quốc tế như:

- Chuyên viên quản lý sản xuất, kế hoạch sản xuất, điều phối vận hành;
- Chuyên viên quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng, cải tiến quy trình;
- Chuyên viên quản trị chuỗi cung ứng, logistics, cung ứng vật tư;
- Chuyên viên nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Chuyên viên kinh doanh, marketing, phát triển thị trường;
- Chuyên viên phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích vận hành;
- Trợ lý quản lý, quản trị viên tập sự tại các doanh nghiệp.

6. Chương trình đào tạo đối sánh

CTĐT ngành QLCN Trường ĐH Bách khoa TP.HCM

7. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

7.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng quản trị hoạt động sản xuất và kinh doanh trong nhiều lĩnh vực như: quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị nhân sự và quản trị marketing. Có kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế; kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo. Có khả năng phân tích, tổng hợp và xử lý vấn đề; có khả năng đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

7.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức về khoa học cơ bản, kiến thức tổng quan và chuyên sâu về quản lý công nghiệp.
2. Khả năng phân tích, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong quản trị doanh nghiệp; có tư duy hệ thống, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời.
3. Khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt và tiếng Anh; khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm, Khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc của bản thân và tập thể.
4. Khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, triển khai, vận hành các giải pháp cải tiến quá trình quá trình sản xuất và kinh doanh đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

7.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản lý công nghiệp tương ứng với thang trình độ năng lực theo bảng dưới đây:

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
1	Kiến thức				
PLO1	Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp.	Ứng dụng kiến thức toán trong quản trị	PI1.1	3	CDR chung
		Ứng dụng kiến thức khoa học xã hội trong quản trị doanh nghiệp	PI1.2		
		Ứng dụng được công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp	PI1.3		
PLO2	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp	Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị sản xuất và chất lượng	PI2.1	4	CDR chuyên biệt
		Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị nhân sự	PI2.2		
		Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị marketing và kinh doanh	PI2.3		
2	Kỹ năng				
PLO3	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp trên cơ sở ứng dụng dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI)	Áp dụng kiến thức cơ bản trong giải quyết vấn đề	PI3.1	5	CDR chung
		Áp dụng kiến thức cơ sở ngành trong giải quyết vấn đề trên cơ sở ứng dụng dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI)	PI3.2		
		Phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề dựa trên kiến thức chuyên ngành, cơ sở dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI)	PI3.3		
PLO4	Vận dụng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu trong quản trị doanh nghiệp	Lập kế hoạch cho một nghiên cứu	PI4.1	4	CDR chuyên biệt
		Thực hiện nghiên cứu	PI4.2		
		Vận dụng tư duy hệ thống về các vấn đề kinh tế xã hội và quản trị.	PI4.3		
PLO5	Truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, và sử dụng	Truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức bằng lời nói	PI5.1	3	CDR chung
		Truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức bằng văn bản	PI5.2		

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs) được ngoại ngữ trong công việc.	Chỉ số thực hiện (Performance index-PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
		Viết, đọc hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh	PI5.3		
PLO6	Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm	Lập kế hoạch và phân công công việc trong nhóm	PI6.1	3	CDR chung
		Phối hợp hoạt động trong nhóm	PI6.2		
		Đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm	PI6.3		
3	Mức tự chủ và trách nhiệm				
PLO7	Thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hội nhập quốc tế và chủ động học tập suốt đời	Thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp	PI7.1	3	CDR chung
		Hội nhập quốc tế	PI7.2		
		Tìm kiếm và tổng hợp kiến thức mới thông qua các phương pháp tự học hiệu quả	PI7.3		
PLO8	Đề xuất ý tưởng và lập kế hoạch: về khởi nghiệp và cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	Đề xuất ý tưởng và lập kế hoạch khởi nghiệp	PI8.1	5	CDR chuyên biệt
		Đề xuất ý tưởng cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh	PI8.2		
		Lập kế hoạch cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh	PI8.3		
PLO9	Tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong sản xuất và kinh doanh.	Tổ chức các hoạt động cải tiến trong sản xuất kinh doanh	PI9.1	5	CDR chuyên biệt
		Triển khai các hoạt động cải tiến trong sản xuất kinh doanh	PI9.2		
		Kiểm soát các hoạt động cải tiến trong sản xuất kinh doanh	PI9.3		

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40			
1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	14	14		
2	Tin học	3	3		
3	Kiến thức ngoại ngữ	8	8		
4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp	6	0	6	
5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)	9	9		

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92			
1	Nhập môn ngành	3(2+1)	3(2+1)		
2	Cơ sở ngành	31	25	6	
3	Chuyên ngành	50	44	6	
4	Thực tập tốt nghiệp	2	2		
5	Khóa luận tốt nghiệp	6	6		
III	KHỐI KIẾN THỨC GDTC VÀ GDQP	(8)			0%
1	Giáo dục thể chất	(3)			0%
2	Giáo dục quốc phòng	(4)			0%
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ	(4)			0%
1	Chuyên đề doanh nghiệp	1	1		0%
2	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	3		0%
TỔNG CỘNG					

9. Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
I	Kiến thức giáo dục đại cương					
I.1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương		14	14		
1	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	3		LLCT130105
2	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		LLCT130105
3	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		LLCT130105
4	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		LLCT130105
5	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
6	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	3		
I.2	Tin học		3			
1	APCM230307	Tin học ứng dụng	3	2	1	
I.3	Kiến thức ngoại ngữ		8			
1	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4			
2	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4			
I.4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp					
Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC). Khuyến khích sinh viên chọn trong cùng một nhóm tự chọn, tuy nhiên có thể học 2 học phần ở 2 nhóm tự chọn khác nhau của 4 nhóm tự chọn sau:						
Nhóm 1: Huân luyện, đào tạo đội ngũ kỹ thuật			6	6	0	
N1.1	APPS230391	Tâm lý học ứng dụng	3	3	0	
N1.2	DOTT230490	Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật	3	3	0	

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiền quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
Nhóm 2: Pháp Luật trong môi trường kinh tế			6	6	0	
N2.1	CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	3	3	0	
N2.2	LALA337239	Pháp luật lao động	3	3	0	
Nhóm 3: Môi trường và Phát triển bền vững			6	6	0	
N3.1	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	3	0	
N3.2	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	3	0	
Nhóm 4: Kỹ năng sống			6	6	0	
N4.1	BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	3	3	0	
N4.2	PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	3	3	0	
I.5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn (* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)		9			
	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	3		
	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	3		
	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	3		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
II.1	Nhập môn ngành		3			
	INMA130106	Nhập môn ngành Quản lý CN	3	2	1	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành					
II.2.1	Kiến thức bắt buộc		25			
1	ECON240206	Kinh tế học	4	4		
2	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	3		
3	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	3		
4	BLAW220308	Luật kinh tế	2	2		
5	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	3		
6	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	2	2		
7	BSTA231006	Thống kê trong kinh doanh	3	3		
8	DANA230706	Phân tích dữ liệu	3	3		MTQ: RMET220406
9	PRFU221506	Lập trình căn bản	2	2		
II.2.2	Kiến thức tự chọn (<i>Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong các môn học sau</i>)		6			
1	CADE230323	Đồ họa kỹ thuật trên máy tính (AutoCAD)	3	2	1	
2	AMAP432225	Tự động hóa quá trình sản xuất	3	3		
3	FUBY333808	Lập trình căn bản Python	3	2	1	

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
4	MALE433908	Machine learning (máy học)	3	3		
5	CIMS330709	Hệ thống CIM	3	2	1	
6	TEDG130120	Vẽ kỹ thuật	3	3		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		50			
II.3.1	Kiến thức bắt buộc**		44			
N1.1	PRMA330806	Quản trị sản xuất 1	3	3		
N1.2	PRMA331506	Quản trị sản xuất 2	3	3		
N1.3	PRSC322106	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	2	2		
N1.4	ERPS431208	Hệ thống HĐ nguồn lực DN (ERP)	3	3		
N1.5	SCMA430709	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3		
N2.1	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	3		
N2.2	MAIM330406	Quản lý bảo trì công nghiệp	3	3		MHT: FUMA230806
N2.3	LESI440806	Lean Six Sigma	4	4		
N3.1	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	3		
N3.2	PROM430506	Quản trị dự án công nghiệp	3	3		
N3.3	INMA332206	Marketing tích hợp	3	3		
N3.3	STMA430406	Quản trị chiến lược	3	3		
N3.4	BUAN331706	Phân tích kinh doanh	3	3		
N4.1	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		MHT: FUMA230806
N4.2	WSIE320425	An toàn lao động và môi trường công nghiệp	2	2		
II.3.2	Kiến thức tự chọn (<i>Sinh viên chọn 06 tín chỉ trong các môn sau</i>)		6			
1	MAIS430306	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	3			
2	ORBE330306	Hành vi tổ chức	3			
3	BCUL330506	Văn hóa doanh nghiệp	3			
4	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3			
5	BPLA430606	Kế hoạch kinh doanh	3			
6	ECOM431308	Thương mại điện tử	3			
7	BUSI332106	Mô phỏng kinh doanh	3			
II.4.	Thực tập tốt nghiệp		2			
1	INTE421106	Thực tập tốt nghiệp	2	2		
II.5.	Khoá luận tốt nghiệp		6			
1	IMGR461206	Khóa luận tốt nghiệp	6	6		
III	Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng					
III.1	Giáo dục thể chất					
1	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1			

TT	Mã HP (*)	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/TT (*)	
	Sinh viên chọn học 02 học phần khác nhau trong 09 học phần lựa chọn theo danh sách dưới đây		2			
2	FOOT112330	Bóng đá	1			
3	VOLL112330	Bóng chuyền	1			
4	BASK112330	Bóng rổ	1			
5	BADM112330	Cầu lông	1			
6	TENN112330	Quần vợt	1			
7	KARA112330	Không thủ đạo	1			
8	CHES112330	Cờ vua	1			
9	PICK112330	Pickleball	1			
10	CHIN112330	Cờ tướng	1			
III.2	Giáo dục quốc phòng					
1	GDQP110131	Giáo dục quốc phòng 1	1			
2	GDQP110231	Giáo dục quốc phòng 2	1			
3	GDQP110331	Giáo dục quốc phòng 3	1			
4	GDQP110431	Giáo dục quốc phòng 4	1			
IV	Chuyên đề bổ trợ					
1	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1			
2	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3			

(*) Giải thích chữ viết tắt: học phần (HP), lý thuyết (LT), thí nghiệm (TN), thực hành (TH), thực tập (TT).

(**) N1: Hướng Quản trị sản xuất; N2: Hướng Quản trị chất lượng; N3: Hướng Marketing và Kinh doanh; N4: Hướng Quản trị nhân sự.

10. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không ghép vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	Điều kiện môn học tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105*
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT120205*
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT120205*
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT120405*, LLCT120314*
5.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	
6.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	
7.		Giáo dục thể chất		
8.		Giáo dục Quốc phòng		
9.	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	

Bố trí các môn học trong 8 học kỳ:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	2	
2.	INMA130106	Nhập môn ngành QLCN	3(2+1)	1	
3.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	2	
4.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	1	
5.	APCM230307	Tin học ứng dụng	3(2+1)	2	
Tổng			15		

Ghi chú: Môn Nhập môn ngành QLCN có mời chuyên gia từ doanh nghiệp hoặc cựu sinh viên thành đạt về trình bày.

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BLAW220308	Luật kinh tế	2	2	
2.	ECON240206	Kinh tế học	4	1	
3.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	2	
4.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	1	MATH132701
5.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	1	
6.		Tự chọn đại cương	3	2	
7.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1	2	
Tổng			18		

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BSTA231006	Thống kê trong kinh doanh	3	2	
2.	WSIE320425	An toàn lao động và môi trường công nghiệp	2	1	
3.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	2	
4.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	1	
5.	RMET220406	Phương pháp nghiên cứu	2	1	
6.		Tự chọn đại cương	3	1	
7.		Tự chọn Cơ sở ngành	3	2	
Tổng			19		

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	DANA230706	Phân tích dữ liệu	3	1	RMET220406
2.	PRMA330806	Quản trị sản xuất 1	3	2	
3.	STMA430406	Quản trị chiến lược	3	1	
4.	PROM430506	Quản trị dự án công nghiệp	3	2	
5.	PRFU221506	Lập trình căn bản	2	2	
6.		Tự chọn Cơ sở ngành	3	1-2	
Tổng			17		

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	
2.	INMA332206	Marketing tích hợp	3	1	
3.	PRMA331506	Quản trị sản xuất 2	3	1	

4.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	2	
5.	QMAN331606	Quản trị chất lượng	3	2	
6.	SCMA430709	Quản trị chuỗi cung ứng	3	1	
7.		Tự chọn Chuyên ngành	3	1-2	
Tổng			21		

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	MAIM330406	Quản lý bảo trì công nghiệp	3	2	
2.	BUAN331706	Phân tích kinh doanh	3	2	
3.	ERPS431208	Hệ thống HĐ nguồn lực DN (ERP)	3	1	
4.	LESI440806	Lean Six Sigma	4	1	
5.	PRSC322106	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	2	1	
6.		Tự chọn Chuyên ngành	3	1-2	
Tổng			18		

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1	2	Không tích lũy
2.	INTE421106	Thực tập tốt nghiệp	2	1-2	
Tổng			2		

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt đào tạo	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	IMGR461206	Khóa luận tốt nghiệp	6	1-2	INTE421106
Tổng			6		

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn ra của mỗi học phần và CTĐT.

11.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, đánh giá mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- CTĐT thực hiện theo Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).

- CTĐT thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Đơn vị quản ngành phân công giảng viên giảng dạy các học phần theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

- Tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập các học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo, các quy chế và quy định hiện hành có liên quan của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Lập kế hoạch, đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

- Giờ quy định được tính như sau: 01 tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. 01 tiết học được tính bằng 50 phút.

13. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

13.1 Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện duy trì ngành.

13.2 Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Ngoài phòng học lý thuyết, sinh viên ngành QLCN chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học trong chương trình đào tạo, như các phòng sau đây: Phòng BI (A4-201), A3-101, A3-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B và một số phần mềm hỗ trợ tại các phòng này.

14. Kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

15. Thời gian ban hành/cập nhật bản mô tả CTĐT: năm 2026.

16. Các phụ lục chương trình đào tạo

- Phụ lục I. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học.
- Phụ lục II: Ma trận các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT (theo Biểu mẫu 3A - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).
- Phụ lục III: Ma trận tương quan chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn CDIO (theo Biểu mẫu 3B - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Khắc Hiếu

TS. Quách Thanh Hải

PHỤ LỤC I
MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu được các khái niệm về kinh tế như hàng hóa, thị trường, tiền, giá trị thặng dư, độc quyền, công nghiệp hóa... Nhận biết được nội dung và tác động của một số quy luật kinh tế. Nhận thức được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất, trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật...

2. Pháp luật đại cương

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

- Điều kiện tiên quyết:

- Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

3. Toán kinh tế 1

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

- Điều kiện tiên quyết:

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

4. Toán kinh tế 2

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

- Điều kiện trước: Toán kinh tế 1

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

5. Xác suất thống kê ứng dụng

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

- Điều kiện trước: Toán kinh tế 1

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

6. Nhập môn ngành Quản lý công nghiệp

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

- Điều kiện tiên quyết:

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Quản lý công nghiệp cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

7. Phương pháp nghiên cứu

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học từ đó xác định được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.

8. Phân tích dữ liệu

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp nghiên cứu
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu cụ thể khi đã có đề cương nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu.

9. Thống kê trong kinh doanh

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan đến thống kê đặc biệt là áp dụng vào việc quản trị chất lượng, quản trị sản xuất theo Lean 6 sigma, dự báo chuỗi thời gian và ra quyết định trong kinh doanh.

10. An toàn lao động và môi trường công nghiệp

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bảo hộ lao động, chính sách bảo hộ lao động, cấp cứu tai nạn lao động ...

11. Lean 6 sigma

Số TC:04

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (4, 0,8)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp sản xuất tinh gọn Lean và phương pháp cải tiến đột phá 6 sigma nhằm hạn chế các lãng phí trong quá trình sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng...

12. Hệ thống HĐ nguồn lực DN (ERP)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về ERP, các hệ thống ERP trên thế giới, Việt Nam, phân tích SWOT khi triển khai ERP, từ đó có thể áp dụng đưa ra những chiến lược phù hợp khi triển khai ERP trong doanh nghiệp; Nắm được phương pháp triển khai và đánh giá lựa chọn nhà cung cấp ERP hiệu quả nhất cho một hệ thống ERP cụ thể và phổ biến. (1) Kiến thức toàn diện về các hoạt động chức năng kinh doanh và quy trình của doanh nghiệp. (2) Hiểu rõ quy trình kinh doanh hiện tại. (3) Lập kế hoạch tổ chức triển khai dự án ERP. (4) Phòng tránh các rủi ro thường gặp trong các dự án ERP và tích hợp AI.

13. Tối ưu hóa

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

14. Quản trị ngoại thương

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế... Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.

15. Kinh tế học

Số TC:04

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (4,0, 8)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

16. Nguyên lý kế toán

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, ...).

17. Luật kinh tế

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học Luật kinh doanh từng bước cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật kinh tế đối với môi trường kinh doanh. Môn học này cũng sẽ giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Với chủ đích tạo một môi trường học tập từ những gì đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Luật kinh doanh với một tập hợp các tình huống có thật sẽ cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật kinh tế nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về uỷ quyền- tác nghiệp; học thuyết về tự do khế ước; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về lẽ công bằng...

18. Quản trị học căn bản

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Việc quản lý có hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa vì chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc họa hình ảnh thực tế về những

công việc mà người quản lý cần làm. Hơn nữa, môn học cũng sẽ giúp chỉ ra những kỹ năng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng đã đề ra bằng cách cung cấp những kiến thức cơ bản về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

19. Vẽ kỹ thuật

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên những quy tắc cơ bản để xây dựng bản vẽ kỹ thuật bao gồm: Các tiêu chuẩn hình thành bản vẽ kỹ thuật, các kỹ thuật cơ bản của hình học hoạ hình, các nguyên tắc biểu diễn không gian hình học, các phép biến đổi, sự hình thành giao tiếp của các mặt, ..., các yếu tố cơ bản của bản vẽ kỹ thuật: Điểm, đường, hình chiếu, hình cắt, các loại bản vẽ chi tiết, vẽ lắp và bản vẽ sơ đồ động trên cơ sở tiêu chuẩn TCVN và ISO.

20. Marketing tích hợp

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Marketing tích hợp là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing đã chọn, doanh nghiệp phải cụ thể hóa chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing tích hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

21. Quản trị sản xuất 1

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Sản xuất là một trong những chức năng chính của doanh nghiệp, là quá trình tạo ra sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho thị trường. Học phần quản trị sản xuất 1 trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về cách thức vận hành của một số hệ thống sản xuất. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về thiết kế quy trình sản xuất, tính toán các thông số trong hệ thống sản xuất, đồng thời hiểu được vai trò và nắm bắt công việc của một người làm công tác quản lý trong hệ thống sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, là môn học tiên quyết giúp người học có kiến thức cơ sở để có thể lĩnh hội các kiến thức cao hơn, sâu hơn trong chuyên ngành quản trị sản xuất như: quản trị sản xuất 2, quản trị sản xuất theo LEAN và JIT, quản trị chuỗi cung ứng.

22. Quản trị sản xuất 2

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Sản xuất là một trong những chức năng chính của doanh nghiệp, là quá trình tạo ra sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho thị trường. Quản trị sản xuất có vai trò quan trọng trong quản trị doanh nghiệp, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua chi phí sản xuất, chất lượng sản phẩm và thời gian giao hàng. Học phần quản trị sản xuất 2 trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về công tác quản trị sản xuất và điều hành trong doanh nghiệp. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản lý hàng tồn kho, điều độ sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành,

giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.

23. Quản trị nguồn nhân lực

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện trước:* Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.

24. Quản trị chất lượng

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ.

25. Quản lý bảo trì công nghiệp

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về bảo trì bảo dưỡng, làm tăng tốc độ và hiệu quả của quá trình *bảo dưỡng, nâng cao năng suất, đảm bảo* an toàn lao động, giảm thiểu hỏng hóc, rác thải *công nghiệp* ra môi trường.

26. Hệ thống thông tin quản lý (MIS)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các loại hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.

27. Quản trị chiến lược

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện trước:* Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

28. Quản trị dự án công nghiệp

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện trước:* Quản trị học căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý dự án.

29. Kế hoạch kinh doanh

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm đề đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

30. Quản trị chuỗi cung ứng

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

31. Quản trị tài chính

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)

- *Điều kiện trước:* Nguyên lý kế toán

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

32. Thương mại điện tử

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3, 0, 6)

- *Điều kiện trước:* Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thương mại điện tử, cách ứng dụng và triển khai dự án về thương mại điện tử, từ đó có thể áp dụng đưa ra những chiến lược thương mại điện tử phù hợp trong doanh nghiệp, nắm được phương thức triển khai hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số.

33. Đồ họa kỹ thuật trên máy tính (CAD)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2, 1, 6)

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng bản vẽ trên phần mềm Autocad, bao gồm phương pháp sử dụng các tập lệnh 2D của phần mềm, các bước thiết lập và hoàn thiện bản vẽ thiết kế 2D. Cung cấp cho người học phương pháp sử dụng lệnh nhằm thiết lập nhanh và đầy đủ các thông số kỹ thuật của một bản vẽ kỹ thuật hoàn chỉnh, tạo cho người học định hướng ứng dụng ngay vào yêu cầu thực tế. Đây là phần học phần chuyên sâu về bản vẽ kỹ thuật giúp người học nhận thức được các mặt tác động và tầm quan trọng của nó trong kỹ thuật hoàn thiện một bản vẽ hay một cụm bản vẽ trong lĩnh vực thiết kế và chế tạo.

34. Tự động hóa quá trình sản xuất

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý làm việc của các phần tử và hệ thống điều khiển khí nén, điện - khí nén. Giới thiệu nguyên tắc cơ bản để thiết kế mạch điều khiển khí nén, điện - khí nén. Các kiến thức về phương tiện tự động hoá của các lĩnh vực sau: điều khiển; cấp phối; kiểm tra. Cung cấp một số khái niệm cơ bản về dây chuyền sản xuất và dây chuyền lắp ráp tự động hoá.

35. Hành vi tổ chức

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

36. Lập và phân tích dự án

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Trang bị cho sinh viên những hiểu kiến thức cơ bản về phân tích dự án như: phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật-công nghệ, phân tích nhân lực, phân tích tài chính. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những chỉ tiêu lựa chọn dự án như: NPV, IRR, B/C... Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức về lạm phát và tác động của lạm phát lên tính khả thi của dự án. Sinh viên cũng được trang bị những công cụ phân tích rủi ro như: phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và mô phỏng

37. Tâm lý học kinh doanh

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,...

38. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2/0/4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của đảng (1920-1930), quá trình đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc việt nam xã hội chủ nghĩa.

39. Văn hóa doanh nghiệp

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn Văn hóa doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa cũng như những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp đó.

40. Thực tập tốt nghiệp

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 2, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành 75% số tín chỉ CTĐT
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

41. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC:6

- *Phân bố thời gian học tập:* 6(6, 0, 12)
- *Điều kiện tiên quyết:* Thực tập tốt nghiệp
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình.

42. Tin học ứng dụng

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2,1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Khóa học này cung cấp cho người học những kiến cơ bản và nâng cao về tin học ứng dụng trong kinh tế và quản lý như thống kê các dữ liệu lớn (big data), quản lý các hàng tồn kho, các đơn hàng xuất khẩu và nhập khẩu, quản lý tiền lương, thuế TNCN của người lao động,...bằng các công cụ Excel nâng cao và Visual basics. Ngoài ra, khóa học này còn cung cấp cho người học kiến thức xử lý dữ liệu cơ bản như thống kê cơ bản, trực quan hóa dữ liệu cơ bản với Python trên môi trường Google Colaboratory. Bên cạnh đó, khóa học này trang bị cho người học kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.

43. Triết học Mác-Lênin

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3/0/6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học mác - lenin, và vai trò của triết học mác - lenin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

44. HỆ THỐNG CIM (CIMS330709)

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học phần:* 3 (2/1/6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không
- *Môn học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Hệ thống CIM (Computer Integrated Manufacturing) nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực tiễn để hiểu, thiết kế, vận hành, mô phỏng và tối ưu hóa các hệ thống sản xuất tích hợp máy tính trong môi trường sản xuất hiện đại (Industry 4.0, Smart Factory).

45. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2/0/4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

46. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2/0/4)

- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng hồ chí minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng hồ chí minh; tư tưởng hồ chí minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đảng cộng sản việt nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, con người; đạo đức.

47. Lập kế hoạch và điều độ sản xuất

Số TC: 2

- Phân bổ thời gian học tập: 2(2/0/4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Lập kế hoạch và điều độ sản xuất trong sản xuất và dịch vụ bao gồm các khái niệm, thuật ngữ, nguyên tắc, giá trị, mục đích, phương pháp và các mô hình lập kế hoạch dự án, Job shop và các hệ thống lắp ráp linh hoạt và lập kế hoạch trong chuỗi cung ứng để người học hiểu được Lập kế hoạch và điều độ sản xuất tác động như thế nào đến tất cả các lĩnh vực và quy trình của doanh nghiệp. Ngoài ra, còn trang bị cho người học các kỹ năng phân tích, quản lý, đánh giá các hoạt động trong sản xuất và áp dụng các kỹ thuật lập lịch trong sản xuất và dịch vụ. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ.

48. Phân tích kinh doanh

Số TC: 3

- Phân bổ thời gian học tập: 3(3/0/6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân tích kinh doanh. Môn học này khám phá sự tích hợp của các kỹ thuật khoa học dữ liệu với chiến lược kinh doanh và ra quyết định. Sinh viên sẽ học cách thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu để thúc đẩy hiểu biết và chiến lược kinh doanh. Các chủ đề bao gồm quản lý dữ liệu, phân tích dữ liệu khám phá, mô hình dự đoán, máy học, công nghệ dữ liệu lớn và truyền đạt hiệu quả những hiểu biết sâu sắc dựa trên dữ liệu.

49. Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh sơ cấp (ENCO140126)

Số TC: 4

- Phân bổ thời gian học phần: 4 (4/0/8)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học này đặc biệt cung cấp cho sinh viên cơ hội hiểu các câu và các biểu đạt thường dùng liên quan đến các lĩnh vực gần gũi nhất, chẳng hạn như thông tin cá nhân và gia đình cơ bản, mua sắm, địa lý địa phương, và công việc. Khóa học giúp sinh viên giao tiếp bằng tiếng Anh nói trong các nhiệm vụ đơn giản và thường lệ, yêu cầu trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về các vấn đề quen thuộc và thường xuyên. Sinh viên được yêu cầu mô tả bằng tiếng Anh nói các khía cạnh đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh, và các vấn đề trong các lĩnh vực cần thiết trước mắt.

50. Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh trung cấp (ENCO240126)

Số TC: 4

- Phân bổ thời gian học phần: 4 (4/0/8)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Khóa học này đặc biệt mang đến cho sinh viên cơ hội hiểu được các ý chính của các đoạn tiếng Anh tiêu chuẩn rõ ràng về những chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, trường học, giải trí và các tình huống tương tự. Sinh viên được yêu cầu xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi du lịch ở những nơi nói tiếng Anh. Họ cũng được yêu cầu tạo ra các bài nói tiếng Anh đơn giản, kết nối về các chủ đề quen thuộc hoặc có liên quan đến sở thích cá nhân. Sinh viên còn được chuẩn bị để mô tả các trải nghiệm và sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão của mình một cách ngắn gọn, đồng thời đưa ra lý do và giải thích cho các ý kiến và kế hoạch của mình.

51. Pháp luật về quản trị DN (CGLA337039)**Số TC: 3**

- Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Pháp luật về quản trị doanh nghiệp trang bị kiến thức về khung pháp lý trong quản trị doanh nghiệp, bao gồm cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, quản trị nội bộ, và giải quyết tranh chấp. Người học sẽ vận dụng pháp luật để xử lý tình huống thực tế, từ thành lập, vận hành đến tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp. Học phần giúp phát triển kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề pháp lý. Đây là nền tảng quan trọng để người học khởi nghiệp hoặc hoạt động hiệu quả trong môi trường doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro kinh doanh.

52. Pháp luật lao động (LALA337239)**Số TC: 3**

- Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các vấn đề chủ yếu: quan hệ lao động; hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; thời giờ làm việc -thời giờ nghỉ ngơi; tiền lương; an toàn lao động và vệ sinh lao động; kỷ luật lao động – trách nhiệm vật chất; bảo hiểm xã hội; giải quyết tranh chấp lao động và đình công. Đây là nền tảng quan trọng để người học thích ứng với thị trường việc làm cũng như hoạt động có hiệu quả trong môi trường doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro phát sinh trong quan hệ lao động của doanh nghiệp.

53. Tâm lý học ứng dụng (APPS230391)**Số TC: 3**

- Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tâm lý học ứng dụng cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hiện tượng tâm lý người; các quy luật nhận thức và tâm lý người. Khi học học phần Tâm lý học ứng dụng, sinh viên nhận thức đúng và đầy đủ về các biểu hiện tâm lý của bản thân và những người xung quanh. Ngoài ra, sinh viên được trải nghiệm vận dụng các hiện tượng tâm lý người, các lý thuyết tâm lý vào khám phá đặc điểm tâm lý của người sử dụng, từ đó hình thành ý tưởng và giải pháp thiết kế sản phẩm lấy con người làm trung tâm.

54. Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật (DOTT230490)**Số TC: 3**

- Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật cung cấp cho sinh viên các ngành kỹ thuật kiến thức cơ sở chung về huấn luyện cho đội ngũ kỹ thuật trong tổ chức; xác định nhu cầu huấn luyện đội ngũ kỹ thuật, thiết kế và tổ chức chương trình huấn luyện đội ngũ kỹ thuật tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần này còn hướng dẫn sinh viên kỹ năng xác định nhu cầu huấn luyện đội ngũ kỹ thuật, thiết kế và tổ chức chương trình huấn luyện đội ngũ kỹ thuật. Với các kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên các ngành kỹ thuật có thể sẵn sàng thực hiện thiết kế và tổ chức các khóa huấn luyện đội ngũ kỹ thuật tại doanh nghiệp, qua đó góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

55. Biến đổi khí hậu và khí nhà kính (CGHG130210)**Số TC: 3**

- Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Môn học trước: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Biến đổi khí hậu và khí nhà kính cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản và chuyên sâu về các vấn đề môi trường toàn cầu; tập trung vào biến đổi khí hậu (BĐKH), tác động của

khí nhà kính (KNK) và các phương pháp kiểm kê phát thải; giúp sinh viên nắm nguyên nhân, cơ chế và hậu quả của BĐKH đối với hệ sinh thái, kinh tế và xã hội; đồng thời giới thiệu các công cụ, phương pháp đánh giá phát thải KNK theo hướng dẫn IPCC và các chính sách, thỏa thuận quốc tế như Hiệp định Paris. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ: hiểu rõ nguyên nhân, cơ chế và tác động của BĐKH; hiểu mối liên hệ giữa BĐKH và các lĩnh vực như kinh tế, năng lượng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp; nhận diện các loại KNK và vai trò của chúng trong hiện tượng nóng lên toàn cầu; nắm vững phương pháp kiểm kê KNK và các công cụ đo lường liên quan; xây dựng thái độ tích cực trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

56. Phát triển bền vững (SUDE130110)

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)*
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Môn học trước: Không*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về môi trường, các vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Sinh viên được trang bị khả năng nhận diện các vấn đề môi trường và xây dựng các chiến lược phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có khả năng: Hiểu rõ các khái niệm, nguyên tắc và mô hình phát triển bền vững (PTBV); Nhận diện và phân tích các vấn đề môi trường, kinh tế và xã hội trong cả bối cảnh toàn cầu và tại Việt Nam; Vận dụng tư duy bền vững vào ngành học và lĩnh vực chuyên môn của mình; Hình thành ý thức và trách nhiệm công dân đối với các vấn đề môi trường và xã hội.

57. Kỹ thuật chế biến thực phẩm (BCTH237553)

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)*
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Môn học trước: Không*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần thuộc khối kiến thức liên ngành, trang bị cho người học kiến thức cơ bản về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và các kỹ thuật chế biến thực phẩm, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành chế biến các món ăn gia đình bảo đảm vệ sinh và cân đối dinh dưỡng trong đời sống hằng ngày. Qua đó, người học có kỹ năng cơ bản tự chế biến thực phẩm an toàn, dinh dưỡng và khoa học thích ứng với môi trường sống và làm việc; tự chủ và trách nhiệm đối với sức khỏe cá nhân, cũng như định hướng phát triển bản thân và nâng cao chất lượng cuộc sống.

58. NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG HÌNH ẢNH CÁ NHÂN (PIDE237653)

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)*
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Môn học trước: Không*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần thuộc khối kiến thức liên ngành, trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về xây dựng, thể hiện và quản trị hình ảnh cá nhân trong môi trường học tập và nghề nghiệp, bao gồm diện mạo, phong thái, giao tiếp, ứng xử, văn hóa ăn uống, trang phục và hình ảnh số. Từ đó, người học được hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử và hội nhập, tự chủ và trách nhiệm trong hành vi nghề nghiệp và có năng lực tự phát triển, định hướng hình ảnh cá nhân.

59. LẬP TRÌNH CĂN BẢN (PRFU221506) Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)*
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Môn học trước: Không*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này cung cấp nền tảng cơ bản về kỹ thuật lập trình, một trong những kiến thức cốt lõi của ngành quản lý công nghiệp và quản trị kinh doanh. Đồng thời, môn học giới thiệu các khái niệm trọng yếu về thuật toán và hướng dẫn cách phát triển thuật toán từ mức cơ bản đến nâng cao. Các chủ đề bao gồm các khái niệm cơ bản về lập trình và thuật toán, cấu trúc dữ liệu, hàm và thủ tục, các phần mềm lập trình cơ bản, trực quan hóa dữ liệu. Đây là môn học chính giúp sinh viên trang bị tư duy lập trình và kỹ năng cơ bản để xử lý dữ liệu, tự động hóa công việc, hỗ trợ phân tích kinh tế.

60. LẬP TRÌNH CĂN BẢN PYTHON (FUBY333808) Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)*
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Môn học trước: Không*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Lập trình căn bản Python là một môn học bắt buộc quan trọng, hỗ trợ định hướng dữ liệu lớn và khoa học dữ liệu trong ngành quản lý công nghiệp. Môn học gồm các nội dung chính như sau: (1) Giới thiệu khái quát về lịch sử ngôn ngữ lập trình Python và vai trò của nó trong cách mạng công nghiệp 4.0. (2) Ngữ nghĩa cú pháp của ngôn ngữ lập trình Python. (3) Nguyên lý hướng đối tượng trong Python. (4) Các thư viện phổ biến nhất hỗ trợ lập trình Python. (5) Xây dựng các ứng dụng bằng Python. Bên cạnh đó, môn học trang bị thêm một số kỹ năng hướng dẫn đọc tài liệu thành thạo, kỹ năng tiến hành nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo, trình bày thuyết minh đề tài và đặc biệt làm việc nhóm, phối hợp với nhau để hoàn thành thuyết minh đề tài và tiếng Anh chuyên ngành CNTT.

61. MÁY HỌC (MALE433908) Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)*
- *Điều kiện tiên quyết: Không*
- *Môn học trước: Không*
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhận diện mẫu và học máy. Học phần khái quát các thuật toán cơ bản về học có giám sát, học không giám sát và hệ thống khuyến nghị. (1) Hiểu và vận dụng được các bước trong quy trình triển khai dự án máy học (Machine learning). (2) Có kỹ năng quan sát, phân tích và trình bày dữ liệu một cách có ý nghĩa, giúp đưa ra quyết định hiệu quả hơn. (3) Có kỹ năng thu thập dữ liệu, khám phá, phân tích, thống kê và lập báo cáo. (4) Hiểu và vận dụng hiệu quả các thư viện toán học, thống kê xác suất, các thuật toán, framework và công nghệ Machine Learning khác nhau cho các vấn đề, yêu cầu khác nhau trong thực tế và nhu cầu xã hội, đồng thời hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh. (5) Vận dụng và triển khai các thuật toán quan trọng thuộc nhóm Supervised learning và Unsupervised trong việc giải quyết các vấn đề thực tế như phân loại, dự đoán xu thế, phân tích cụm dữ liệu, gợi ý và đề xuất.

PHỤ LỤC II
MA TRẬN CÁC HỌC PHẦN ĐÁP ỨNG CĐR CỦA CTĐT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

PLO/PI		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			Số lượng CDR/ Môn học tham gia đóng góp
		Áp dụng được KT KH cơ bản và KT cơ sở ngành trong QTDN			Áp dụng được kiến thức chuyên ngành QLCN			Phân tích, đánh giá và GQVĐ trong QTDN			KN tư duy hệ thống và thực hiện NC trong QTDN			Hình thành KN truyền đạt, chuyên tải kiến thức và sử dụng NN trong CV			Hình thành năng lực lãnh đạo và KN làm việc nhóm			Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, KN hội nhập QT và HTSL			Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch về khởi nghiệp và cải tiến trong SXKD			KN tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong SX và KD			
		PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 5.1	PI 5.2	PI 5.3	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 9.3	
Học kỳ 1																													
FUMA230806	Quản trị học căn bản		3					3								3												3	
INMA130106	Nhập môn ngành QLCN		2					3								3							3					4	
LLCT130105	Triết học Mác – Lênin		2													2			3		3							4	
MATH132701	Toán kinh tế 1	3														3												2	
APCM230307	Tin học ứng dụng			3				3																				2	
Học kỳ 2																													
BLAW220308	Luật kinh tế		3					3								3												3	
ECON240206	Kinh tế học		3									4																2	
PRAC230407	Nguyên lý kế toán		3					3																				2	
MATH132801	Toán kinh tế 2	3														3												2	
GELA236939	Pháp luật đại cương		2					3																				2	
Học kỳ 3																													

PLO/PI		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			Số lượng CDR/ Môn học tham gia đóng góp
		Áp dụng được KT KH cơ bản và KT cơ sở ngành trong QTDN			Áp dụng được kiến thức chuyên ngành QLCN			Phân tích, đánh giá và GQVĐ trong QTDN			KN tư duy hệ thống và thực hiện NC trong QTDN			Hình thành KN truyền đạt, chuyển tải kiến thức và sử dụng NN trong CV			Hình thành năng lực lãnh đạo và KN làm việc nhóm			Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, KN hội nhập QT và HTSL			Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch về khởi nghiệp và cải tiến trong SXKD			KN tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong SX và KD			
		PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 5.1	PI 5.2	PI 5.3	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 9.3	
QMAN331606	Quản trị chất lượng	3						5										3					5					4	
SCMA430709	Quản trị chuỗi cung ứng				3			3	3								3				3							5	
Học kỳ 6																													
MAIM330406	Quản lý bảo trì công nghiệp			2						3							3				3					5		5	
BUAN331706	Phân tích kinh doanh			3		4						4							3	3			4					6	
ERPS431208	Hệ thống HĐ nguồn lực DN (ERP)			3	3	3	3					4					3	3	3						3	3	3	11	
LESI440806	Lean Six Sigma	3					4								2		3									4		5	
PRSC322106	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất				4							4									3							3	
Học kỳ 7																													
SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp				3	3	3							3						3								5	
INTE421106	Thực tập tốt nghiệp									4				3						3				5				4	
Học kỳ 8																													
IMGR461206	Khóa luận tốt nghiệp				3	3	3			4			4	3											5			7	
Ngoại ngữ bắt buộc (Tiếng Anh)																													
ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp													2		2					2							3	

PLO/PI		PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			Số lượng CDR/ Môn học tham gia đóng góp
		Áp dụng được KT KH cơ bản và KT cơ sở ngành trong QTDN			Áp dụng được kiến thức chuyên ngành QLCN			Phân tích, đánh giá và GQVĐ trong QTDN			KN tư duy hệ thống và thực hiện NC trong QTDN			Hình thành KN truyền đạt, chuyển tải kiến thức và sử dụng NN trong CV			Hình thành năng lực lãnh đạo và KN làm việc nhóm			Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, KN hội nhập QT và HTSL			Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch về khởi nghiệp và cải tiến trong SXKD			KN tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong SX và KD			
		PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 5.1	PI 5.2	PI 5.3	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 9.3	
ENCO240126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp												3		3					3							3		
Tự chọn đại cương (Khoa học XH nhân văn / Kỹ năng học tập / Mục tiêu nghề nghiệp) - HK2 và HK3																													
Nhóm 1: Huấn luyện, đào tạo đội ngũ kỹ thuật																													
APPS230391	Tâm lý học ứng dụng		2														3		3								3		
DOTT230490	Thiết kế và tổ chức huấn luyện đội ngũ kỹ thuật					3										3		3									3		
Nhóm 2: Pháp luật trong môi trường kinh tế																													
CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp		3					3											2								3		
LALA337239	Pháp luật lao động		3			2		3																			3		
Nhóm 3: Môi trường và Phát triển bền vững																													
CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính		2					3												3							3		
SUDE130110	Phát triển bền vững		2					3											3								3		
Nhóm 4: Kỹ năng sống																													
BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm		2					3																			2		
PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân												3						3		2						3		

[illegible]

PLO/PI	PLO1			PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			Số lượng CDR/ Môn học tham gia đóng góp
	Áp dụng được KT KH cơ bản và KT cơ sở ngành trong QTDN			Áp dụng được kiến thức chuyên ngành QLCN			Phân tích, đánh giá và GQVĐ trong QTDN			KN tư duy hệ thống và thực hiện NC trong QTDN			Hình thành KN truyền đạt, chuyển tải kiến thức và sử dụng NN trong CV			Hình thành năng lực lãnh đạo và KN làm việc nhóm			Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, KN hội nhập QT và HTSL			Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch về khởi nghiệp và cải tiến trong SXKD			KN tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong SX và KD			
	PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 5.1	PI 5.2	PI 5.3	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 9.3	
Số lượng môn học/PI	10	17	16	12	11	10	11	12	15	2	3	5	10	4	5	12	7	9	11	7	7	3	8	2	2	4	4	
Mức năng lực cao nhất	3	3	3	4	4	4	5	4	5	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	5	5	5	4	5	5	

PHỤ LỤC III
MA TRẬN TƯƠNG QUAN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀ CHUẨN CDIO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp.	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp.	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp	Khả năng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu trong quản trị doanh nghiệp	Hình thành kỹ năng truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc.	Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm	Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời	Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch: về khởi nghiệp và cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong sản xuất và kinh doanh.
1	KIẾN THỨC NỀN TẢNG TRONG NGÀNH QLCN									
1.1	Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản trong quản trị doanh nghiệp	x								
1.2	Áp dụng được kiến thức tổng quan về quản trị trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ.	x								

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp.	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp.	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp	Khả năng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu trong quản trị doanh nghiệp	Hình thành kỹ năng truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc.	Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm	Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời	Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch: về khởi nghiệp và cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong sản xuất và kinh doanh.
1.3	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp: quản trị chất lượng, quản trị nhân sự, Marketing, tài chính. Đặc biệt chuyên sâu về quản trị sản xuất, vận dụng Lean & 6 sigma trong hoạt động doanh nghiệp.		x							
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP									
2.1	Khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các			x						

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong quản trị doanh nghiệp.	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp.	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp	Khả năng tư duy hệ thống và thực hiện nghiên cứu trong quản trị doanh nghiệp	Hình thành kỹ năng truyền đạt, chuyển tải và phổ biến kiến thức, và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc.	Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm	Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế và học tập suốt đời	Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch: về khởi nghiệp và cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động cải tiến trong sản xuất và kinh doanh.
	trình sản xuất và kinh doanh									
4.5	Khả năng triển khai kế hoạch cải tiến quy trình sản xuất và kinh doanh									X
4.6	Khả năng vận hành quy trình sản xuất và kinh doanh.									X
4.7	Khả năng triển khai ý tưởng khởi nghiệp .									X
4.8	Giải thích được ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp.								X	

./.